

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2025.

V/v: “*Kiến chia di sản thừa kế*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị O - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp: “*Kiến chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ dân phố T, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ dân phố T, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn T, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ dân phố T, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị B là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ dân phố T, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ dân phố T, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ dân phố 4, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

+ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ dân phố T, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt bà C, ông Đ, bà O; bà H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các đương sự thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1932, chết năm 2017; có vợ là cụ Trần Thị N, sinh năm 1928, chết năm 2010. Cụ Đ, cụ N sinh được 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Ngoài ra, cụ Đ và cụ N không có người con nuôi, con riêng hợp pháp nào khác. Các cụ thân sinh ra cụ Đ, cụ N đều đã chết từ rất lâu trước đó.

Di sản mà cụ Đ, cụ N để lại, gồm: Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 6, diện tích còn lại là 100m² đất vườn (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9), tại địa chỉ: tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã Hà Nam, tỉnh Nam Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 212360, ngày 14/3/1994 mang tên Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra cụ Đ, cụ N không còn có tài sản chung nào khác.

Khi cụ Đ, cụ N chết không để lại di chúc.

Về công sức chăm nom, nuôi dưỡng người để lại di sản: Các đương sự không yêu C Tòa án giải quyết.

Về chi phí mai táng cụ Đ, cụ N: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ để lại của người có di sản: Khi cụ Diên, cụ Nam chết đều không để lại khoản nợ nào nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về điều kiện nơi ăn ở, sinh sống hiện nay của các thừa kế: Hiện nay, bà C, bà B, bà K, bà H, ông K đều có nhà ở riêng, chỉ có ông Đ cùng vợ xây nhà cấp 4 đang ở trên phần đất vườn của cụ Đ, cụ N để lại.

Về việc từ chối nhận di sản: Không ai trong diện, hàng thừa kế của cụ Đ và cụ N từ chối nhận di sản.

Về công sức tôn tạo di sản: Các đương sự đều thống nhất không có.

Các đương sự đều đề nghị phân chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ N theo pháp luật.

* Quan điểm của các đương sự:

- Quan điểm của bà Nguyễn Thị C: Phần di sản của bố mẹ bà để lại bà đề nghị được chia theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của ông Nguyễn Văn Đ: Hiện nay trên thửa đất số 97 (nay là thửa đất số 21) có căn nhà cấp bốn và công trình phụ do vợ chồng ông xây trên diện tích đất vườn là di sản của bố mẹ ông để lại như Hội đồng định giá đã định giá, những tài sản trên đất là do vợ chồng ông xây dựng, tôn tạo nên khi phân chia di sản thừa kế thì phần di sản ông được chia thì ông xin được nhận bằng hiện vật là đất ở vị trí nhà ông đã xây dựng.

- Quan điểm của bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H: Phần di sản của bố mẹ các bà để lại đề nghị giao cho ông Đ quản lý sử dụng và các bà xin nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

- Quan điểm của ông Nguyễn Văn K: Phần di sản của bố mẹ ông để lại ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của bà Nguyễn Thị O: Bà nhất trí với quan điểm của chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ.

* Ngày 14/4/2025, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã tiến hành việc định giá tài sản đối với phần di sản đang có tranh chấp, cụ thể:

- Thừa đất số 97, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9), tại địa chỉ: tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, diện tích còn lại là 100m² đất vườn (CLN), có giá trị là: 8.000.000 đồng.

* Quá trình giải quyết, Ủy ban nhân dân phường Liêm Chính cung cấp như sau:

- Ngày 14/3/1994 ông Nguyễn Văn Đ được ủy ban nhân dân thị xã Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vị trí tờ bản đồ số 6, thửa số 97, diện tích 1630m², trong đó đất thổ cư: 210m², đất thổ canh 1200m², đất ao: 220m².

- Thực hiện kế hoạch 566/KH-UBND ngày 05/08/2003 của UBND tỉnh Hà Nam về tổ chức xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp, hoàn thành công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Nguyễn Văn Đ được đưa vào danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ vị trí tờ bản đồ số 9, thửa số 20, diện tích 990m², trong đó đất thổ cư: 316m², đất vườn: 264m², đất ao: 410m² và trong quá trình sử dụng chuyển quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Kháng 540m² đất theo phương án xử lý đã được UBND thị xã Phủ Lý phê duyệt tại quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 20/7/2009. Đến nay diện tích đất hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ còn lại 100m² đất vườn.

- Theo đo đạc hiện trạng thửa đất do văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Phủ Lý lập ngày 21/04/2025, diện tích đo đạc hiện thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 là 869m². Căn cứ hồ sơ địa chính UBND phường Liêm Chính quản lý, UBND phường xác định vị trí diện tích 100m² đất vườn (CLN) còn lại của thửa đất số 97, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa số 21, tờ bản đồ số 9) có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường Vũ Văn Lý: 5m; Phía Nam giáp thửa 21 tờ bản đồ số 9: 5m; Phía Đông giáp thửa 21 tờ bản đồ số 9: 20m; Phía Tây giáp thửa 937 tờ bản đồ số 9: 20m.

5. Tại phiên tòa:

* Các đương sự có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm, nội dung yêu C như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà C xin tự nguyện nộp toàn bộ.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định; áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B, bà K, bà H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông K chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 613; 618; 623; 651; 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 15 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1959.

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Trần Thị N để lại.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Đ và cụ N để lại là diện tích 100m² đất vườn có giá trị 8.000.000 đồng.

- Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ, cụ N gồm (06 người): bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H; mỗi người được hưởng có giá trị là 1.333.000 đồng.

- Đối với 100m² đất vườn (CLN) tiếp tục giao cho ông Nguyễn Văn Đ sử dụng, ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho các kỹ phần còn lại.

- Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Bà C đã nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà C có ý kiến tự nguyện nộp toàn bộ nên không ai phải thanh toán cho bà C.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà C, bà K, bà B, ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông K, bà H phải nộp án phí có giá ngạch tương ứng với phần di sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Trần Thị N để lại là quyền sử dụng đất tại tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc giải quyết tranh chấp “kiện chia di sản thừa kế” trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó ông K đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 11 tháng 6 năm 2025. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại các Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu chia di sản thừa kế: Cụ Trần Thị N chết năm 2010, cụ Nguyễn Văn Đ chết năm 2017, đến ngày 21/02/2025 bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tại Tòa án. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Đ, cụ N vẫn còn.

[4] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai thống nhất của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã xác định, di sản mà cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Trần Thị N để lại có yêu cầu phân chia, hiện nay gồm:

Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9), tại địa chỉ: tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, diện tích còn lại là 100m² đất vườn (CLN), có giá trị là: 8.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 210; 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì tài sản nêu trên thuộc quyền sử dụng chung hợp pháp của cụ Đ, cụ N và là di sản thừa kế của hai cụ để lại.

[5] Về công sức chăm nom, nuôi dưỡng người để lại di sản, chi phí mai táng cụ Diễm, cụ Nam: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ để lại của người có di sản: Các đương sự đều xác nhận khi cụ Đ, cụ N chết đều không để lại khoản nợ nào và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về việc từ chối nhận di sản: Không ai trong diện, hàng thừa kế của cụ Đ, cụ N từ chối nhận di sản nên di sản sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế.

[8] Về công sức tôn tạo, quản lý di sản: Các đương sự đều không đề nghị giải quyết.

[9] Về người thừa kế theo pháp luật: Cụ Nguyễn Văn Đ chết năm 2017, cụ Trần Thị N chết năm 2010. Trước khi chết cụ Đ và cụ N đều không để lại di chúc, do vậy di sản mà cụ Đ và cụ N để lại được chia theo pháp luật. Theo Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, do cụ Đ, cụ N đều không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, con riêng hợp pháp và bố mẹ đẻ của cụ Đ, cụ N đều đã chết nên hàng thừa kế

thứ nhất của cụ Đ, cụ N chỉ có các con đẻ của các cụ, bao gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H.

[10] Về thời điểm mở thừa kế: Căn cứ vào lý lịch gia đình mà các đương sự cung cấp cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định:

- Di sản thừa kế là 100m² đất vườn có giá trị 8.000.000 đồng là tài sản chung của cụ Đ và cụ N để lại, như vậy phần di sản mà mỗi cụ để lại có trị giá là 4.000.000 đồng.

- Cụ Trần Thị N chết ngày 12/6/2010: Tại thời điểm mở thừa kế của cụ N thì những người được hưởng di sản của cụ N gồm: Cụ Đ, bà C, bà K, bà B, ông Đ, ông K, bà H. Các đồng thừa kế được hưởng ngang nhau đối với phần di sản mà cụ N để lại. Cụ thể, mỗi đồng thừa kế được hưởng: 4.000.000 đồng : 7 = 571.428 đồng.

- Cụ Nguyễn Văn Đ chết ngày 25/8/2017. Tại thời điểm mở thừa kế của cụ Đ thì những người được hưởng di sản của cụ Đ gồm: bà C, bà K, bà B, ông Đ, ông K, bà H. Các đồng thừa kế được hưởng ngang nhau đối với phần di sản mà cụ Đ để lại. Cụ thể, mỗi đồng thừa kế được hưởng: (4.000.000 đồng + 571.428 đồng) : 6 = 761.905 đồng.

- Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế mà mỗi đồng thừa kế được hưởng là: 1.333.333 đồng (làm tròn 1.333.000 đồng).

[11] Về phân chia di sản:

a. Căn cứ điều kiện thực tế của di sản, tình trạng quản lý, sử dụng hiện tại đối với di sản cũng như trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh, nhu cầu thực tế về chỗ ở và nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất di sản của cụ Đ, cụ N để lại chỉ đủ điều kiện phân chia bằng hiện vật (là đất) cho 01 đồng thừa kế, thực tế thì ông Đ đang là người quản lý và sử dụng thửa đất, còn các đồng thừa kế khác đều đã có nơi ở ổn định. Do vậy cần giao 100m² đất vườn là di sản thừa kế của cụ Đ và cụ N cho ông Đ sử dụng, ông Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản thừa kế mà mỗi đồng thừa kế được hưởng cho các đồng thừa kế khác là bà C, bà K, bà B, ông K, bà H bằng tiền.

Đối với tài sản trên 100m² đất vườn gồm: 01 nhà cấp bốn, tường xây gạch xi, mái lợp ngói đỏ, bếp, công trình phụ được vợ chồng ông Đ xây dựng trên 100m² đất vườn, như vậy là ông Đ và bà O đã sử dụng đất trồng cây lâu năm để xây dựng các công trình trên đất là sử dụng không đúng mục đích theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Do vậy, sau khi được chia thừa kế là quyền sử dụng đất, ông Đ và bà O phải thực hiện theo sự xử lý đối với các công trình trên đất theo Quyết định của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

b. Phân chia thực tế di sản cụ thể như sau: Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 100m² đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9), tại địa chỉ: tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có giá trị là: 8.000.000 đồng; có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đường Vũ Văn Lý: 5m; Phía Nam giáp thửa 21 tờ bản đồ số 9: 5m; Phía Đông giáp thửa 21 tờ bản đồ số 9: 20m; Phía Tây giáp thửa 937 tờ bản đồ số 9: 20m.

c. Về thanh toán chênh lệch giá trị tài sản: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà C, bà K, bà B, ông K, bà H mỗi người là 1.333.000 đồng.

[12] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đối với toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng do bà C đã bỏ ra thanh toán. Tại phiên tòa, bà C đã tự nguyện nộp toàn bộ chi phí trên, nên các đương sự không phải thanh toán để trả cho bà C.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm của bà C, bà K, bà B, ông Đ thấy rằng: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà C, bà K, bà B, ông Đ thuộc diện người cao tuổi nên có đủ căn cứ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông K và bà H không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, nên ông K, bà H phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 92; 147; 157; 165; 184; 185; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 15 của Luật hôn nhân gia đình năm 1959.

Căn cứ các Điều 111; 149; 210; 213; 219; 609, 610; 611; 612; 613; 614; 623; 649; 650; 651; 660; 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị C đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Trần Thị N để lại.

2. Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Trần Thị N gồm: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H.

3. Công nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Trần Thị N để lại gồm: 100m² đất vườn (CLN) tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9), tại địa chỉ: tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có tổng giá trị là: 8.000.000 đồng.

4. Xác định mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật có giá trị là: 1.333.000đ (một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

5. Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Trần Thị N để lại như sau: Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 100m² đất vườn (CLN) tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9), địa chỉ thửa đất: tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có tổng giá trị là: 8.000.000 đồng, có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đường Vũ Văn Lý dài 5m; phía Nam giáp thửa 21, tờ bản đồ số 9 dài 5m; phía Đông giáp thửa 21, tờ bản đồ số 9 dài 20m; phía Tây giáp thửa 937, tờ bản đồ số 9 dài 20m.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn Đ có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Các công trình do ông Đ và bà O xây dựng trên phần đất 100m² được chia ở trên, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị O phải thực hiện sự xử lý đối với các công trình trên đất theo Quyết định của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho: bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H mỗi người là 1.333.333 đồng, làm tròn là 1.333.000đ (một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

6. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị C đã bỏ ra thanh toán. Do bà C đã tự nguyện nộp toàn bộ nên các đương sự khác không phải thanh toán trả cho bà C.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ.

- Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải nộp: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

8. Về quyền kháng cáo: Bà C, bà K, bà B, ông Đ, bà O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông K, bà H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu C thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Xuyên